

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28-4-2021

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Thị Thanh Thảo

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi Văn Dũng

2. Ông Trần Văn Hải

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Kim Khuyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 22 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình – ly hôn, nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 101/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Số nhà Z, Tổ H, khóm T, phường H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.
Số điện thoại: 0931.400.267.

- *Bị đơn:* Lê Hiếu N1, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Số nhà Z1, Tổ Z2, khóm M, Phường C, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Số điện thoại: 0328.02.03.40.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14 tháng 01 năm 2020 của nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh N1 kết hôn năm 2006, không có đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc cùng có trách nhiệm lo cho gia đình, nhưng dần về sau, khi tôi sinh con được 01 tháng tuổi thì thường xuyên xảy ra bất hòa, cuộc sống không còn hạnh phúc do không phù hợp, vợ chồng không sống chung từ năm 2007 cho đến nay không thể hàn gắn tình N1 vợ chồng mâu thuẫn ngày một trầm trọng hơn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị N yêu cầu ly hôn với anh N1.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 14/3/2007. Hiện nay con chung đang sống với chị N. Khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra, chị không có yêu cầu gì khác và cũng không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Bị đơn anh Lê Hiếu N1 trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị N về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung, cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị N kết hôn năm 2006, không có đăng ký kết hôn. Anh chị sống hạnh phúc, sau đó xảy ra nhiều mâu thuẫn, đến năm 2007 thì không còn sống chung đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 14/3/2007. Hiện nay con chung đang sống với chị N. Khi ly hôn anh N1 đồng ý để chị N được tiếp tục nuôi con chung và anh N1 không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ngoài ra, anh không có yêu cầu gì khác và cũng không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án xác định nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc N yêu

cầu được ly hôn và yêu cầu về con chung với anh Lê Hiếu N1, như vậy quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp về hôn nhân gia đình - ly hôn, nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Lê Hiếu N1 có địa chỉ tại số nhà Z1, Tổ Z2, khóm M, Phường C, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc N và anh Lê Hiếu N1 chung sống với nhau và kết hôn năm 2006 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn là không tuân thủ đúng quy định tại khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Nam, N có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, N1 vụ giữa vợ và chồng...”

Như vậy, theo quy định pháp luật thì hôn nhân giữa chị N và anh N1 không có giá trị pháp lý, không được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định “Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và 16 của Luật này”. Do đó, mặc dù chị N và anh N1 thống nhất thuận tình ly hôn với nhau nhưng không thể ghi nhận mà Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thị Ngọc N và anh Lê Hiếu N1 là vợ chồng theo quy định của pháp luật.

[4] Về con chung: chị Nguyễn Thị Ngọc N và anh Lê Hiếu N1 thống nhất, tự xác định anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 14/3/2007, hiện đang sống chung với chị N. Chị N và anh N1 thống nhất giao con chung Nguyễn Thị Ngọc T cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, anh N1 không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung, chị N không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi con chung. Đồng thời, trong văn bản trình bày ý kiến thì Nguyễn Thị Ngọc T có

nguyện vọng muốn sống chung với chị N. Xét việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh N1 và chị N thống nhất không có tài sản chung, không có nợ chung và không cho ai nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Ngọc N và anh Lê Hiếu N1 là vợ chồng.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị N và anh N1 giao con chung Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 14/3/2007, cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Anh N1 không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung, chị N không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không được quyền nuôi con chung có quyền, N1 vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp người không được quyền nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người được quyền nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không được quyền nuôi con chung.

Người được quyền nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không được quyền nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007718 ngày 25/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Chị Nguyễn Thị Ngọc N đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

- Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS ND TPCL;
- TAND Tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đặng Thị Thanh Thảo